

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung.

Bà Đỗ Thị Thanh.

- T ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - T ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 277/2021/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 112a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị P**, sinh năm 1986.

ĐKHKT: thôn Đ, xã B, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn M**, sinh năm 1981.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn Đ, xã B, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Văn S**, sinh năm 1956. ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã B, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Đinh Thị P trình bày: Chị và anh Phạm Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bạch Đằng, huyện Kinh Môn (nay là thị xã Kinh Môn), tỉnh Hải Dương vào ngày 09/3/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì anh M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau, nhưng sau đó do bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra tranh cãi, từ đó vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Tháng 4/2020, chị về nhà để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ lâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phạm Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị P A, sinh ngày 22/4/2007, Phạm Anh T, sinh ngày 19/01/2009 và Phạm Thị Yến N, sinh ngày 17/01/2014, hiện các con Phạm Thị P Anh và Phạm Thị Yến N đang ở với ông bà nội, còn con Phạm Anh T đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T, để anh M nuôi dưỡng con chung Phạm Thị P Anh và Phạm Thị Yến N cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh M không có mặt tại Việt Nam chị nhất trí để ông Phạm Văn S là bố đẻ anh M chăm sóc con Phạm Thị P Anh và Phạm Thị Yến N cho đến khi anh về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị P không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh M nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh M. Ông Phạm Văn S (bố đẻ anh M) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh M ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy Nên anh M vẫn Thông xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh M biết, anh M xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị P có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như chị P trình bày là đúng, anh nhất trí để chị P nuôi con Phạm Anh T, anh nuôi con Phạm Thị P Anh và Phạm Thị Yến N cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam anh nhờ bố đẻ là ông Phạm Văn S chăm sóc con Phạm Thị P Anh và Phạm Thị Yến N cho đến khi anh về nước. Anh xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa P nơi chị P, anh M đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Trong thời gian chung sống vợ chồng, anh M có đi làm ăn tại Đài Loan, chị P sống tại gia đình anh M chăm sóc các con, đến năm 2020 chị P bỏ về nhà để ở để lại hai con cho ông bà nội chăm sóc, hiện tại anh M chưa về nước, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Chị P có đơn xin ly hôn, địa P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị P và anh M là cháu Phạm Thị P Anh và Phạm Thị Yến N có nguyện vọng được ở với anh M và ông bà nội, cháu Phạm Anh T có nguyện vọng được ở với chị P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, T ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị P ly hôn anh Phạm Văn M. Về con chung: Giao con chung Phạm Anh T cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Thị P Anh và Phạm Thị Yến N cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Phạm Thị P Anh và Phạm Thị Yến N cho ông Phạm Văn S chăm sóc trong thời gian anh M không có mặt tại Việt Nam. Chị P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị P sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Phạm Văn M có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở xóm 5, thôn Đại Uyên, xã Bạch Đằng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, hiện anh M đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh M. Tòa án đã Nều lần yêu cầu gia đình anh M cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông S là bố anh M để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị P và anh M đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông S vẫn Tòng xuyên liên lạc với anh M và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị P và anh M. Tại phiên tòa, chị P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh M cũng có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị P và anh Phạm Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bạch Đằng, huyện Kinh Môn (nay là thị xã Kinh Môn), tỉnh Hải Dương vào ngày 09/3/2008 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì anh M

đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng vẫn còn quan tâm, liên lạc với nhau nhưng sau đó do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng Từng hay xảy ra cãi vã và không quan tâm đến nhau. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng có thời gian dài sống ly thân, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Thông qua gia đình anh M cũng xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, tình cảm không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Đinh Thị P và anh Phạm Văn M có 03 con chung là Phạm Thị P Anh, sinh ngày 22/4/2007, Phạm Anh T, sinh ngày 19/01/2009 và Phạm Thị Yến N, sinh ngày 17/01/2014. Chị P và anh M thống nhất: chị P nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T, anh M nuôi dưỡng con chung Phạm Thị P Anh và Phạm Thị Yến N cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Con chung Phạm Thị P Anh và Phạm Thị Yến N có nguyện vọng được ở với anh M và ông bà nội, con chung Phạm Anh T có nguyện vọng được ở với chị P. Anh M ủy quyền cho ông Phạm Văn S chăm sóc con chung Phạm Thị P Anh và Phạm Thị Yến N cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của các đương sự. Tạm giao con chung Phạm Thị P Anh và Phạm Thị Yến N cho ông S nuôi dưỡng trong thời gian anh M không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P, anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Đinh Thị P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị P ly hôn anh Phạm Văn M.
2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đinh Thị P được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 19/01/2009 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Giao cho anh Phạm Văn M được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Thị P Anh, sinh ngày 22/4/2007 và Phạm Thị Yến N, sinh ngày 17/01/2014 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chị P và anh M không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con chung Phạm Thị P

Anh và Phạm Thị Yên N cho ông Phạm Văn S nuôi dưỡng trong thời gian anh M không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004621 ngày 09/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị P và ông Phạm Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Bạch Đằng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường